|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHỤ LỤC V** | **PHỤ LỤC V** |  |
| **CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG NÂNG HẠNG GCNKNCM THUYỀN TRƯỞNG HẠNG BA** *(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2017/TT-BGTVT ngày 20 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)\_\_\_\_\_\_\_\_* | **CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG NÂNG HẠNG GCNKNCM THUYỀN TRƯỞNG HẠNG BA** *(Ban hành kèm theo Thông tư số …./2024/TT-BGTVT ngày … tháng … năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)* |  |
| **CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG NÂNG HẠNG GCNKNCM THUYỀN TRƯỞNG HẠNG BA** |  | Bỏ do trùng với tiêu đề |
| **Tên nghề: Thuyền trưởng phương tiện thủy nội địa** |  | Bỏ do trùng với tiêu đề |
| **Số lượng môn học, mô đun đào tạo:** 09. |  | Đưa xuống phần II |
|  | **Đối tượng tuyển sinh:** Theo thông tư số 40/2019/TT-BGTVT và Thông tư số 38/2023/TT-BGTVT; Thông tư số 43/2015/TT-BLĐTBXH và Thông tư số 34/2018/TT-BLĐTBXH | Bổ sung quy định về đối tượng tuyển sinh theo các văm bản QPPL hiện hành |
| **GCN cấp sau tốt nghiệp:** GCNKNCM thuyền trưởng hạng ba | **GCN cấp sau tốt nghiệp:** GCNKNCM thuyền trưởng hạng ba |  |
| I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO | I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO |  |
| 1. Kiến thức | 1. Kiến thức |  |
| Nắm vững các quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa; nắm được kiến thức cơ bản về kết cấu thân tàu, máy tàu, điện tàu và sửa chữa vỏ tàu, máy tàu, điện tàu thủy; biết được các trang thiết bị trên tàu và công dụng của trang thiết bị đó; nắm vững đặc điểm các tuyến luồng, bến cảng chính để điều khiển tàu an toàn; nắm vững nguyên lý điều khiển tàu thủy và những quy định về vận chuyển hàng hóa, hành khách trong quá trình vận chuyển. | Nắm vững các quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa; nắm được kiến thức cơ bản về kết cấu thân tàu, máy tàu, điện tàu và sửa chữa vỏ tàu, máy tàu, điện tàu thủy; nắm được các trang thiết bị trên tàu và công dụng của trang thiết bị đó; nắm vững đặc điểm các tuyến luồng, bến cảng chính để điều khiển tàu an toàn; nắm vững nguyên lý điều khiển tàu thủy và những quy định về vận chuyển hàng hóa, hành khách trong quá trình vận chuyển. |  |
| 2. Kỹ năng | 2. Kỹ năng |  |
| Sử dụng thành thạo các trang thiết bị trên tàu; thao tác được các đường tàu chạy và dẫn dắt tàu bằng thiết bị hàng hải; sử dụng được thiết bị thông tin liên lạc trong mọi tình huống; thành thạo khi làm dây, bảo dưỡng tàu; điều động tàu an toàn khi hành trình, ra vào bến. | Sử dụng thành thạo các trang thiết bị trên tàu; thao tác được các đường tàu chạy và dẫn dắt tàu bằng thiết bị hàng hải; sử dụng được thiết bị thông tin liên lạc trong mọi tình huống; thành thạo khi làm dây, bảo dưỡng tàu; điều động tàu an toàn khi hành trình, ra vào bến. |  |
| 3. Thái độ, đạo đức nghề nghiệp | 3. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm |  |
| Có ý thức rèn luyện để nâng cao trình độ nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành đường thủy nội địa; yêu nghề, có ý thức cộng đồng và tác phong công nghiệp, có thói quen lao động nghề nghiệp, sống lành mạnh phù hợp với phong tục, tập quán và truyền thống văn hóa dân tộc. | Có ý thức rèn luyện để nâng cao trình độ nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành đường thủy nội địa; yêu nghề, có ý thức cộng đồng và tác phong công nghiệp, có thói quen lao động nghề nghiệp, sống lành mạnh phù hợp với phong tục, tập quán và truyền thống văn hóa dân tộc. |  |
| II. THỜI GIAN VÀ PHÂN BỔ THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC | II. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC VÀ THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC | Điều chỉnh tên mục phù hợp với nội dung của mục |
| Thời gian của khóa học: 295 giờ, bao gồm: |  | Bỏ do trùng lặp |
| 1. Thời gian các hoạt động chung: không. | 1. Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 09 | Đưa từ phần trên xuống cho phù hợp |
| 2. Thời gian học tập: 295 giờ, trong đó: | 2. Thời gian học tập: 240 giờ, bao gồm: | Giảm thời gian cho phù hợp với đối tượng đào tạo và nội dung chương trình |
| a) Thời gian thực học: 280 giờ. | a) Thời gian học lý thuyết, thực hành, mô phỏng: 227 giờ |  |
| b) Thời gian ôn, thi kết thúc khóa học: 15 giờ. | b) Thời gian kiểm tra đánh giá kết thúc môn học, mô đun: 13 giờ |  |
| III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO | III. DANH MỤC MÔN HỌC (MH), MÔ ĐUN (MĐ) VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO |  |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Mã**  **MH, MĐ** | **Tên môn học, mô đun** | **Thời gian đào tạo (giờ)** | | MĐ 01 | Cấu trúc tàu thuyền | 15 | | MĐ 02 | Máy tàu thủy | 15 | | MH 03 | Luồng chạy tàu thuyền | 25 | | MH 04 | Pháp luật về giao thông đường thủy nội địa | 30 | | MĐ 05 | Điều động tàu và thực hành điều động tàu | 120 | | MH 06 | Kinh tế vận tải | 15 | | MĐ 07 | Hàng hải và các thiết bị hàng hải | 30 | | MĐ 08 | Khí tượng, thủy văn | 15 | | MH 09 | Nghiệp vụ thuyền trưởng | 15 | | **Tổng cộng** | | **280** | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Mã**  **MH, MĐ** | **Tên môn học, mô đun** | **Thời gian đào tạo (giờ)** | | MĐ 01 | Cấu trúc phương tiện thuyền | 15 | | MĐ 02 | Máy phương tiện thủy | 15 | | MH 03 | Luồng chạy tàu thuyền | 25 | | MH 04 | Pháp luật về giao thông đường thủy nội địa | 30 | | MĐ 05 | Điều động phương tiện | 80 | | MH 06 | Kinh tế vận tải | 15 | | MĐ 07 | Thiết bị hàng hải | 30 | | MĐ 08 | Khí tượng, thủy văn | 15 | | MH 09 | Nghiệp vụ thuyền trưởng | 15 | | **Tổng cộng** | | **240** | | -Bỏ cụm từ “thực hành điều động phương tiện” để tránh trùng lặp  - Giảm nội dung MĐ5 vì đã được đào tạo tại các chương trình bậc thấp hơn |
| IV. THI KẾT THÚC KHÓA HỌC | IV. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH |  |
|  | 1. Hình thức đào tạo: |  |
|  | - Lý thuyết: Áp dụng hình thức đào tạo trực tiếp hoặc trực tuyến.  - Thực hành: Áp dụng hình thức đào tạo trực tiếp hoặc trực tuyến, nhưng số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng thực hành trong chương trình.  - Đối với hình thức đào tạo trực tuyến, cơ sở đào tạo phải có đủ cơ sở vật chất đáp ứng và lựa chọn các nội dung phù hợp trong các môn học, mô đun. | Quy định hình thức đào tạo để các cơ sở đào tạo thực hiện, bổ sung quy định về đào tạo trực tuyến nội dung lý thuyết |
| 1. Kiểm tra kết thúc môn học, mô đun: | 2. Kiểm tra kết thúc môn học, mô đun: |  |
| Người học phải học đầy đủ nội dung theo yêu cầu chương trình các môn học, mô đun quy định. Nội dung, hình thức và điều kiện kiểm tra khi kết thúc môn học, mô đun do người đứng đầu cơ sở đào tạo quyết định. Kết quả kiểm tra được đánh giá theo một trong hai mức là đạt yêu cầu và không đạt yêu cầu. | - Nội dung, hình thức, thời gian tổ chức kiểm tra do người đứng đầu cơ sở đào tạo quyết định.  - Điểm tổng kết các môn học, mô đun phải đạt từ 5,0 trở lên mới đủ điều kiện tham gia kiểm tra kết thúc khóa học. | Không quy định thời lượng tham gia môn học do đã có quy định tại khoản 2, Điều 9 Thông tư 40/2019/TT-BGTVT |
| 2. Thi kết thúc khóa học: | 3. Thi kết thúc khóa học: |  |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Môn thi** | **Hình thức thi** | | 1 | Lý thuyết tổng hợp | Trắc nghiệm | | 2 | Lý thuyết chuyên môn | Vấn đáp | | 3 | Điều động tàu | Thực hành | | Căn cứ kết quả kiểm tra kết thúc môn học, mô đun, học viên được tham dự kỳ thi kết thúc khóa học để cấp Giấy CNKNCM thuyền trưởng hạng Ba, gồm các nội dung sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Môn thi** | **Hình thức thi** | | 1 | Lý thuyết tổng hợp | Trắc nghiệm | | 2 | Lý thuyết chuyên môn | Vấn đáp | | 3 | Điều động phương tiện | Thực hành | |  |
|  | 4. Hướng dẫn khác: |  |
|  | - Cơ sở đào tạo xây dựng chương trình chi tiết cho từng mô đun đảm bảo nội dung phù hợp; đảm bảo số giờ lý thuyết, số giờ thực hành và số giờ kiểm tra theo đúng quy định.  - Định kỳ hàng năm, nội dung các mô đun trong chương trình phải được rà soát và cập nhật vào chương trình chi tiết cho phù hợp với thực tế. | Quy định cụ thể trách nhiệm của cơ sở đào tạo |
| V. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO |  | Bỏ việc quy định chương trình chi tiết để các cơ sở đào tạo chủ động xây dựng giáo trình, tài liệu, thống nhất với quy định tại điểm c khoản 3 Điều 6 của dự thảo Thông tư. |
| 1. Tên mô đun: **CẤU TRÚC TÀU THUYỀN** |  |  |
| a) Mã số: MĐ 01. |  |  |
| b) Thời gian: 15 giờ. |  |  |
| c) Mục tiêu: Giúp người học có khả năng nắm được nội dung về kích thước cơ bản của tàu thuyền; nắm được đặc điểm cấu tạo, chức năng, nhiệm vụ của những bộ phận cơ bản trong cấu trúc tàu và một số tàu chuyên dụng, qua đó biết cách sử dụng, bảo quản, bảo dưỡng một cách hiệu quả nhất; nắm được kiến thức cần thiết về mớn nước, thước mớn nước, dấu chuyên chở và các đặc tính cơ bản của tàu thủy. |  |  |
| d) Nội dung: |  |  |
| |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Nội dung** | **Thời gian đào tạo (giờ)** |  | |  | | 1 | Bài 1: Kích thước tàu thuyền | 3 |  | | 1.1 | Khái niệm về 3 mặt phẳng cơ bản |  | | 1.2 | Các kích thước chính của tàu thuyền |  | | 1.3  1.4 | Các hệ số béo của tàu thủy  Thực hành quan sát kích thước tàu |  | | 2 | Bài 2: Cấu trúc tàu thuyền | 6 |  | | 2.1 | Cấu trúc khung tàu |  | | 2.2 | Cấu trúc vỏ tàu |  | | 2.3  2.4 | Cấu trúc boong và thượng tầng  Thực hành quan sát cấu trúc tàu |  | | 3 | Bài 3: Mớn nước, thước mớn nước, dấu chuyên chở | 4 |  | | 3.1 | Mớn nước |  | | 3.2 | Thước mớn nước |  | | 3.3  3.4 | Dấu chuyên chở  Thực hành quan sát |  | | 4 | Bài 4: Các đặc tính cơ bản của tàu thuyền | 1 |  | | 4.1 | Các đặc tính khai thác của tàu thuyền |  | | 4.2 | Các đặc tính hoạt động của tàu thuyền |  | | Kiểm tra kết thúc mô đun | | 1 |  | | **Tổng cộng** | | **15** |  |   đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun: |  |  |
| - Căn cứ vào giáo trình cấu trúc tàu, lý thuyết tàu, thủy nghiệp cơ bản và các tài liệu tham khảo đưa ra nội dung các bài học lý thuyết; |  |  |
| - Tổ chức cho người học thực hành, quan sát mô hình, vật thật ngay tại phòng học tàu thuyền, dưới tàu huấn luyện. |  |  |
| 2. Tên mô đun: **MÁY TÀU THỦY** |  |  |
| a) Mã số: MĐ 02. |  |  |
| b) Thời gian: 15 giờ. |  |  |
| c) Mục tiêu: Giúp người học có khả năng nắm được cấu tạo, nguyên lý làm việc của động cơ, tính năng tác dụng của các hệ thống và một số trang thiết bị phụ trên tàu; làm tốt các công tác kiểm tra, chăm sóc và bảo dưỡng động cơ. |  |  |
| d) Nội dung: |  |  |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Nội dung** | **Thời gian đào tạo (giờ)** | | 1 | Bài 1: Nguyên lý hoạt động của động cơ diesel | 2 | | 1.1 | Các bộ phận cơ bản của động cơ | | 1.2 | Động cơ diesel 4 kỳ | | 1.3 | Động cơ diesel 2 kỳ | | 2 | Bài 2: Các hệ thống của động cơ | 8 | | 2.1 | Hệ thống phân phối khí | | 2.2 | Hệ thống cung cấp nhiên liệu trên động cơ diesel | | 2.3 | Hệ thống bôi trơn | | 2.4  2.5 | Hệ thống làm mát  Thực hành quan sát các hệ thống của máy tàu thủy | | 3 | Bài 3: Chăm sóc, bảo quản động cơ  Thực hành quan sát | 4 | | Kiểm tra kết thúc mô đun | | 1 | | **Tổng cộng** | | **15** |   đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun: |  |  |
| - Căn cứ vào giáo trình máy tàu thủy và các tài liệu tham khảo đưa ra nội dung các bài học lý thuyết; |  |  |
| - Tổ chức cho người học thực hành, quan sát mô hình các loại máy tàu thủy ngay tại xưởng thực hành máy và các hệ thống máy trên tàu. |  |  |
| 3. Tên môn học: **LUỒNG CHẠY TÀU THUYỀN** |  |  |
| a) Mã số: MH 03. |  |  |
| b) Thời gian: 25 giờ. |  |  |
| c) Mục tiêu: Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về đặc điểm, tính chất chung của đường thủy nội địa Việt Nam; sơ đồ các hệ thống sông, kênh ở khu vực; chiều dài, địa danh của các con sông; các thông tin dữ liệu cần thiết về các tuyến vận tải đường thủy nội địa chính ở khu vực. |  |  |
| d) Nội dung: |  |  |
| |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Nội dung** | **Thời gian đào tạo (giờ)** |  | |  | | 1 | Chương I: Khái quát chung về sông, kênh ở Việt Nam | 2 |  | | 1.1 | Sông, kênh đối với vận tải đường thủy nội địa |  | | 1.2 | Tính chất chung |  | | 1.3 | Đặc điểm chung |  | | 2 | Chương II: Các hệ thống sông chính | 8 |  | | 2.1 | Sông, kênh miền Bắc |  | | 2.2 | Sông, kênh miền Trung |  | | 2.3 | Sông, kênh miền Nam |  | | 3 | Chương III: Các tuyến vận tải đường thủy nội địa chính | 14 |  | | 3.1 | Các tuyến vận tải đường thủy nội địa ở miền Bắc |  | | 3.2 | Các tuyến vận tải đường thủy nội địa ở miền Trung |  | | 3.3 | Các tuyến vận tải đường thủy nội địa ở miền Nam |  | | Kiểm tra kết thúc môn học | | 1 |  | | **Tổng cộng** | | **25** |  |   đ) Hướng dẫn thực hiện trình môn học: |  |  |
| - Căn cứ vào giáo trình luồng chạy tàu thuyền, các bản đồ đường thủy nội địa miền Bắc, miền Trung, miền Nam và các tài liệu tham khảo về luồng lạch đưa ra nội dung các bài học lý thuyết; |  |  |
| - Tổ chức cho người học thực hành, quan sát các tuyến luồng trên sa bàn, các tuyến luồng thực tế trên sơ đồ tuyến và trên các tàu huấn luyện. |  |  |
| 4. Tên môn học: **PHÁP LUẬT VỀ GIAO THỒNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA** |  |  |
| a) Mã số: MH 04. |  |  |
| b) Thời gian: 30 giờ. |  |  |
| c) Mục tiêu: Giúp người học có khả năng hiểu các quy tắc giao thông và tín hiệu của phương tiện; thuộc các loại báo hiệu đường thủy nội địa Việt Nam; nắm được trách nhiệm của thuyền trưởng, thuyền phó; biết các quy định về hoạt động của phương tiện tại vùng nước cảng, bến thủy nội địa. |  |  |
| d) Nội dung: |  |  |
| |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Nội dung** | **Thời gian đào tạo (giờ)** |  | |  | | 1 | Chương I: Quy tắc giao thông và tín hiệu của phương tiện | 10 |  | | 1.1 | Quy tắc giao thông |  | | 1.2 | Tín hiệu của phương tiện giao thông đường thủy nội địa |  | | 2 | Chương II: Quy tắc báo hiệu đường thủy nội địa | 10 |  | | 2.1 | Quy định chung |  | | 2.2 | Những quy định của quy tắc báo hiệu đường thủy nội địa Việt Nam |  | | 2.3 | Các loại báo hiệu đường thủy nội địa Việt Nam |  | | 3 | Chương III: Trách nhiệm của thuyền trưởng, thuyền phó | 3 |  | | 3.1 | Trách nhiệm của thuyền trưởng |  | | 3.2 | Trách nhiệm của thuyền phó 1 |  | | 3.3 | Trách nhiệm của thuyền phó 2 |  | | 4 | Chương IV: Hoạt động của phương tiện tại vùng nước cảng, bến thủy nội địa | 2 |  | | 4.1 | Thủ tục phương tiện thủy vào và rời cảng, bến |  | | 4.2 | Hoạt động của phương tiện thủy tại cảng, bến |  | | 5 | Chương V: Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa | 4 |  | | 5.1 | Vi phạm quy định về phương tiện thủy nội địa |  | | 5.2 | Vi phạm quy định về thuyền viên, người lái phương tiện |  | | 5.3 | Vi phạm quy tắc giao thông và tín hiệu của phương tiện |  | | Kiểm tra kết thúc môn học | | 1 |  | | **Tổng cộng** | | **30** |  |   đ) Hướng dẫn thực hiện môn học: |  |  |
| - Căn cứ vào các văn bản pháp luật về giao thông đường thủy nội địa đưa ra nội dung các bài học lý thuyết; |  |  |
| - Tổ chức cho người học thực hành, quan sát mô hình, các báo hiệu trên sa bàn. |  |  |
| 5. Tên mô đun: **ĐIỀU ĐỘNG TÀU VÀ THỰC HÀNH ĐIỀU ĐỘNG TÀU** |  |  |
| a) Mã số: MĐ 05. |  |  |
| b) Thời gian: 120 giờ. |  |  |
| c) Mục tiêu: Giúp người học có khả năng nắm vững nguyên lý điều động tàu; nắm vững kỹ thuật điều động tàu tự hành và điều động tàu an toàn trong mọi trường hợp. |  |  |
| d) Nội dung: |  |  |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Nội dung** | **Thời gian đào tạo (giờ)** | | 1  1.1  1.2  1.3  1.4  1.5  1.6  1.7 | Bài 1: Nguyên lý điều động tàu thủy  Bánh lái  Chân vịt  Tàu hai chân vịt  Tàu ba chân vịt  Quán tính tàu thủy  Vòng quay trở  Các yếu tố ảnh hưởng đến điều động tàu thủy | 10 | | 2  2.1  2.2  2.3  2.4  2.5  2.6 | Bài 2: Kỹ thuật cơ bản về điều động tàu tự hành  Điều động tàu ra bến, cập bến nước ngược, nước xuôi  Điều động tàu quay trở đang đi nước ngược quay lại đi nước xuôi, đang đi nước xuôi quay lại đi nước ngược  Điều động tàu qua cầu khi đi nước ngược, nước xuôi  Điều động tàu đi qua chập tiêu đang đi nước ngược, nước xuôi  Điều động tàu thả, thu neo khi đang đi nước ngược, khi đang đi nước xuôi  Thực hành điều động tàu | 80 | | 3  3.1  3.2  3.3  3.4  3.5  3.6  3.7 | Bài 3: Điều động tàu trong một số tình huống đặc biệt  Điều động tàu trong trường hợp khi đang đi trên tàu có người ngã xuống nước  Điều động tàu trong sương mù  Điều động tàu trong mùa lũ, bão  Điều động tàu khi trên tàu có hỏa hoạn  Điều động tàu khi đang đi bị cạn đột ngột  Điều động tàu vào, ra cạn theo dự kiến  Thực hành điều động tàu vớt người ngã, đang đi bị cạn đột ngột, đang đi tàu bị hỏa hoạn và điều động tàu vào, ra cạn theo dự kiến. | 25 | | Kiểm tra định kỳ, kiểm tra kết thúc mô đun | | 5 | | **Tổng cộng** | | **120** |   đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun: |  |  |
| - Căn cứ vào giáo trình điều động tàu thủy và các tài liệu tham khảo về điều động tàu đưa ra nội dung các bài học lý thuyết; |  |  |
| - Tổ chức cho người học huấn luyện thực hành ngay tại phòng học mô phỏng và trên các tàu huấn luyện. |  |  |
| 6. Tên môn học: **KINH TẾ VẬN TẢI** |  |  |
| a) Mã số: MH 06. |  |  |
| b) Thời gian: 15 giờ. |  |  |
| c) Mục tiêu: Giúp người học có khả năng nắm được những vấn đề cơ bản trong quá trình vận chuyển hàng hóa và hành khách; biết phương pháp tính toán một số chỉ tiêu cơ bản về kinh tế vận tải. |  |  |
| d) Nội dung: |  |  |
| | **STT** | **Nội dung** | **Thời gian đào tạo (giờ)** | | --- | --- | --- | | 1 | Chương I: Vận tải hàng hóa | 5 | | 1.1 | Khái niệm và phân loại tàu chở hàng | | 1.2 | Một số vấn đề chung về hàng hóa | | 1.3 | Phương pháp vận chuyển một số loại hàng | | 1.4 | Quy định về vận tải hàng hóa đường thủy nội địa | | 2 | Chương II: Vận tải hành khách | 3 | | 2.1 | Khái niệm về phương tiện chở khách | | 2.2 | Quy định về vận tải hành khách đường thủy nội địa | | 3 | Chương III: Kinh tế vận tải | 6 | | 3.1 | Những hình thức công tác của đoàn tàu vận tải | | 3.2 | Các chỉ tiêu vận tải hàng hóa và hành khách | | 3.3 | Cách tính nhiên liệu cho một chuyến đi | | Kiểm tra kết thúc môn học | | 1 | | **Tổng cộng** | | **15** |   đ) Hướng dẫn thực hiện trình môn học: |  |  |
| - Căn cứ vào giáo trình kinh tế vận tải, các quy định về vận tải đường thủy nội địa và các tài liệu tham khảo đưa ra nội dung các bài học lý thuyết; |  |  |
| - Tổ chức cho người học thực hành đo mớn nước, khai thác các bài toán về kinh tế vận tải trong một chuyến đi vòng tròn trên các tàu huấn luyện. |  |  |
| 7. Tên mô đun: **HÀNG HẢI VÀ THIẾT BỊ HÀNG HẢI** |  |  |
| a) Mã số: MĐ 07. |  |  |
| b) Thời gian: 30 giờ. |  |  |
| c) Mục tiêu: Giúp người học có khả năng biết khái niệm về kinh độ, vĩ độ, tọa độ địa dư, các đơn vị dùng trong hàng hải; theo dõi được vết đi và vị trí của tàu trong từng thời điểm trên bản đồ; vận hành được các thiết bị hàng hải. |  |  |
| d) Nội dung: |  |  |
| | **STT** | **Nội dung** | **Thời gian đào tạo (giờ)** | | --- | --- | --- | | 1 | Bài 1: Địa văn | 16 | | 1.1 | Hình dạng và kích thước quả đất | | 1.2 | Các đường, điểm cơ bản | | 1.3 | Các đơn vị dùng trong hàng hải | | 1.4 | Tọa độ địa dư của một điểm | | 1.5 | Hệ thống phân chia chân trời | | 1.6 | Hướng thật, phương vị thật, góc mạn |  | | 1.7 | Cấu tạo hải đồ | | 1.8 | La bàn từ | | 1.9 | Thao tác hải đồ | | 1.10 | Thực hành thao tác | | 2 | Bài 2: Máy điện hàng hải | 12 | | 2.1 | Hệ thống định vị toàn cầu GPS | | 2.2 | Máy đo sâu dùng âm thanh | | 2.3 | Tốc độ kế | | 2.4  2.5 | Ra đa  Thực hành máy điện hàng hải | | Kiểm tra kết thúc mô đun | | 2 | | **Tổng cộng** | | **30** |   đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun: |  |  |
| - Căn cứ vào giáo trình hàng hải địa văn, máy điện hàng hải và các tài liệu tham khảo về hàng hải đưa ra nội dung các bài học lý thuyết; |  |  |
| - Tổ chức cho người học thực hành thao tác hải đồ, thực hành các thiết bị hàng hải ngay tại phòng học hải đồ và trên các tàu huấn luyện. |  |  |
| 8. Tên mô đun: **KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN** |  |  |
| a) Mã số: MĐ 08. |  |  |
| b) Thời gian: 15 giờ. |  |  |
| c) Mục tiêu: Giúp người học có khả năng nắm được một số điều kiện thiên nhiên và ảnh hưởng của nó đối với điều động tàu thủy; biết dự báo thời tiết thông qua quan sát các hiện tượng thiên nhiên; biết quy luật dòng chảy và tính toán thủy triều. |  |  |
| d) Nội dung: |  |  |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Nội dung** | **Thời gian đào tạo (giờ)** | | 1 | Bài 1: Khí tượng | 6 | | 1.1 | Thành phần lớp khí quyển gần mặt đất | | 1.2 | Thời tiết và các yếu tố tạo thành thời tiết | | 1.3 | Bão nhiệt đới | | 1.4 | Bão ở Việt Nam | | 2 | Bài 2: Thủy văn | 1 | | 2.1 | Hải lưu | | 2.2 | Sóng | | 2.3 | Dòng chảy | | 3 | Bài 3: Thủy triều | 7 | | 3.1 | Mực nước trung bình và nguyên nhân dao động mực nước biển | | 3.2 | Hiện tượng thủy triều, nguyên nhân gây ra thủy triều | | 3.3 | Bảng thủy triều và cách tra bảng thủy triều | | Kiểm tra kết thúc mô đun | | 1 | | **Tổng cộng** | | **15** |   đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun: |  |  |
| - Căn cứ vào giáo trình khí tượng thủy văn, thủy triều và các tài liệu tham khảo đưa ra nội dung các bài học lý thuyết; |  |  |
| - Tổ chức cho người học thực hành, quan sát các hiện tượng thời tiết, thiên nhiên, các hiện tượng dòng chảy trên sông, hiện tượng thủy triều. |  |  |
| 9. Tên môn học: **NGHIỆP VỤ THUYỀN TRƯỞNG** |  |  |
| a) Mã số: MH 09. |  |  |
| b) Thời gian: 15 giờ. |  |  |
| c) Mục tiêu: Giúp người học có khả năng nắm được phương pháp quản lý tài sản và sổ sách của tàu, quản lý thuyền viên và giấy tờ, tài liệu pháp lý của tàu, cách ghi nhật ký tàu; lập được kế hoạch chuyến đi và phân công nhiệm vụ trên tàu; ghi chép cẩn thận các sổ sách, giấy tờ cũng như nhật ký của tàu. |  |  |
| d) Nội dung: |  |  |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Nội dung** | **Thời gian đào tạo (giờ)** | | 1 | Chương 1: Nhận bàn giao nhiệm vụ dưới tàu và làm quen tàu | 3 | | 1.1 | Các hạng mục công việc bàn giao | | 1.2 | Thực hiện công việc bàn giao giữa hai thuyền trưởng | | 1.3 | Lối đi lại, lối thoát hiểm | | 1.4 | Vị trí lắp đặt trang thiết bị cứu sinh | | 1.5  1.6 | Nội quy và chế độ sinh hoạt của tàu  Thực hành công việc bàn giao | | 2 | Chương 2: Quản lý thuyền viên và giấy tờ, tài liệu pháp lý của tàu | 2 | | 2.1 | Tổ chức sinh hoạt và phân công nhiệm vụ | | 2.2 | Quản lý danh sách thuyền viên vắng mặt trên tàu | | 2.3 | Theo dõi tình trạng sức khỏe của thuyền viên | | 2.4 | Yêu cầu bắt buộc đối với các giấy tờ pháp lý của tàu | | 2.5 | Theo dõi thời hạn bằng cấp | | 3 | Chương 3: Quản lý tài sản và sổ sách của tàu | 2 | | 3.1 | Tài sản chung của tàu | | 3.2 | Tài sản của tàu phát cho cá nhân sử dụng | | 3.3 | Thực hiện kiểm kê tài sản | | 3.4 | Quản lý, ghi chép các loại nhật ký trên tàu | | 3.5 | Làm báo cáo định kỳ công tác quản lý tài sản trên tàu | | 4 | Chương 4: Phương pháp ghi nhật ký tàu | 1 | | 4.1 | Giới thiệu nhật ký tàu - Phương pháp ghi nhật ký tàu | | 4.2 | Thực hành ghi nhật ký tàu | | 5 | Chương 5: Lập kế hoạch chuyến đi và phân công nhiệm vụ trên tàu | 4 | | 5.1 | Lập kế hoạch chuyến đi | | 5.2 | Lập phương án và kế hoạch | | 5.3 | Lên kế hoạch kiểm tra | | 5.4 | Chọn tuyến đường | | 5.5 | Thu thập thông tin về tuyến đường | | 5.6 | Tổ chức họp và phân công nhiệm vụ | | 6 | Chương 6: Công tác cảng vụ | 2 | | Kiểm tra kết thúc môn học | | 1 | | **Tổng cộng** | | **15** |   đ) Hướng dẫn thực hiện môn học: |  |  |
| - Căn cứ vào các văn bản pháp luật về giao thông đường thủy nội địa đưa ra nội dung các bài học lý thuyết; |  |  |
| - Tổ chức cho người học thực hành thao tác nghiệp vụ thuyền trưởng ngay tại phòng học và trên các tàu huấn luyện. |  |  |